

Biểu số: 01/TK-THADS
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP
ngày 10 tháng 6 năm 2024
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG VIỆC
03 tháng/năm 2026

Đơn vị, người báo cáo: THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH SƠN
LA
Đơn vị nhận báo cáo: CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN
SỰ

Đơn vị tính: Bản án, quyết định, việc và %

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng số bản án, quyết định đã nhận	Tổng số giải quyết	Chia ra:		Ủy thác THA	Thu hồi, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Chia ra:										Số chuyển kỳ sau (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển sổ theo dõi riêng)	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện
				Năm trước chuyển sang (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển sổ theo dõi riêng)	Thụ lý mới				Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:				Chưa có điều kiện THA (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Hoãn THA (trừ số hoãn theo điểm c khoản 1 Điều 48)	Tạm đình chỉ THA	Trường hợp khác			
										Tổng số thi hành xong	Chia ra:		Đang thi hành					Hoãn THA theo điểm c khoản 1 Đ48		
											Thi hành xong	Đình chỉ THA								
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
A	Tổng số	1,172	2,675	1,433	1,242	10	-	2,665	2,073	973	954	19	1,098	2	586	2	-	4	1,692	46.94%
I	Tổng số việc chủ động	1,050	1,636	614	1,022	6	-	1,630	1,336	896	895	1	440		293	-	-	1	734	67.07%
1	Kinh doanh, thương mại	30	82	58	24	-	-	82	65	15	14	1	50		17	-	-	-	67	23.08%
2	Phá sản	-	32	32	-	-	-	32	32	-	-	-	32		-	-	-	-	32	0.00%
3	Hôn nhân và gia đình	352	358	38	320	-	-	358	347	310	310	-	37		11	-	-	-	48	89.34%
4	Lao động	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	#DIV/0!
5	Dân sự	179	343	166	177	-	-	343	268	135	135	-	133		74	-	-	1	208	50.37%
6	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế	1	62	61	1	-	-	62	29	2	2	-	27		33	-	-	-	60	6.90%
7	Dân sự trong hình sự	488	759	259	500	6	-	753	595	434	434	-	161		158	-	-	-	319	72.94%
II	Tổng số việc theo yêu cầu	122	1,039	819	220	4	-	1,035	737	77	59	18	658	2	293	2	-	3	958	10.45%
1	Kinh doanh, thương mại	3	88	81	7	-	-	88	72	5	3	2	66	1	13	2	-	1	83	6.94%
2	Phá sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	#DIV/0!
3	Hôn nhân và gia đình	56	219	95	124	3	-	216	173	28	19	9	145	-	42	-	-	1	188	16.18%
4	Lao động	-	3	3	-	-	-	3	1	-	-	-	1	-	2	-	-	-	3	0.00%
5	Dân sự	52	606	533	73	-	-	606	447	31	24	7	415	1	158	-	-	1	575	6.94%
6	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế	4	15	10	5	1	-	14	9	4	4	-	5	-	5	-	-	-	10	44.44%
7	Dân sự trong hình sự	7	108	97	11	-	-	108	35	9	9	-	26	-	73	-	-	-	99	25.71%
B	Ủy thác xử lý tài sản																			
1	Đơn vị ủy thác đi																			
2	Đơn vị nhận ủy thác																			

Sơn La, ngày 31 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI LẬP BIỂU

Phuong

Đào Thị Mai Phương

Sơn La, ngày 31 tháng 12 năm 2025
THỦ LƯU CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ



Duyet

Nguyễn Văn Duyệt

PHÂN TÍCH MỘT SỐ CHỈ TIÊU VIỆC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Chỉ tiêu		Chủ động	Theo yêu cầu
		1	2
1	Số đình THA	1	18
1.1	Điểm a khoản 1 Điều 50	-	1
1.2	Điểm b khoản 1 Điều 50	-	-
1.3	Điểm c khoản 1 Điều 50	-	16
1.4	Điểm d khoản 1 Điều 50	1	1
1.5	Điểm đ khoản 1 Điều 50	-	-
1.6	Điểm e khoản 1 Điều 50	-	-
1.7	Điểm g khoản 1 Điều 50	-	-
1.8	Điểm h khoản 1 Điều 50	-	-
2	Số hoãn THA	-	4
2.1	Điểm a khoản 1 Điều 48	-	-
2.2	Điểm b khoản 1 Điều 48	-	-
2.3	Điểm c khoản 1 Điều 48	-	2
2.4	Điểm d khoản 1 Điều 48	-	2
2.5	Điểm đ khoản 1 Điều 48	-	-
2.6	Điểm e khoản 1 Điều 48	-	-
2.7	Điểm g khoản 1 Điều 48	-	-
2.8	Điểm h khoản 1 Điều 48	-	-
2.9	Khoản 2 Điều 48	-	-
2.9.1	Hoãn theo yêu cầu của Viện kiểm sát nhân dân	-	-
2.9.2	Hoãn theo yêu cầu của Tòa án nhân dân	-	-
3	Số tạm đình chỉ THA	-	-
3.1	Khoản 1 Điều 49	-	-
3.1.1	Viện kiểm sát nhân dân kháng nghị tạm đình chỉ	-	-
3.1.2	Tòa án nhân dân kháng nghị tạm đình chỉ	-	-
3.2	Khoản 2 Điều 49	-	-
4	Số chưa có điều kiện THA theo Điều 44a	293	293
4.1	Điểm a khoản 1 Điều 44a	287	289
4.2	Điểm b khoản 1 Điều 44a	-	1
4.3	Điểm c khoản 1 Điều 44a	6	3
4.4	Trường hợp chưa có điều kiện khác	-	-
5	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế	62	15
5.1	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế do BCĐTU về phòng, chống tham nhũng theo dõi, chỉ đạo	-	-
5.2	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế do BCD tỉnh, thành phố theo dõi, chỉ đạo	2	-
5.3.	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế khác	60	15
6	Trường hợp khác	1	3
6.1	Tạm dừng để giải quyết khiếu nại, tố cáo	-	-
6.2	Trong thời hạn tự nguyện THA	-	-
6.3	Trở ngại khách quan	1	3
7	Số chưa có điều kiện THA đã chuyển sổ theo dõi riêng	389	346

Biểu số: 02/TK-THADS
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP
ngày 10 tháng 6 năm 2024
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG TIỀN
03 tháng/năm 2026

Đơn vị, người báo cáo: THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH SƠN LA
Đơn vị nhận báo cáo: CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ và %

ST T	Tên chỉ tiêu	Tổng số giải quyết	Chia ra:		Ủy thác THA	Thu hồi, sửa, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Chia ra:										Số chuyển kỳ sau (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển số theo dõi riêng)	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện	
			Năm trước chuyển sang (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển số theo dõi	Thụ lý mới				Tổng số có điều kiện thi hành	Tổng số thi hành xong	Chia ra:			Đang thi hành	Hoãn THA theo quy định tại điểm c khoản 1 Đ48	Chưa có điều kiện THA (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Hoãn THA (trừ số hoãn theo điểm c khoản 1 Điều 48)	Tạm đình chỉ THA			Trường hợp khác
										Thi hành xong	Đình chỉ THA	Giảm nghĩa vụ THA								
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
A	Tổng số	776,355,303	577,160,530	199,194,773	566,961	146	775,788,196	501,448,932	92,047,488	57,836,844	34,187,337	23,307	409,275,124	126,320	260,856,134	10,952,771	-	2,530,359	683,740,708	18,36%
I	Tổng số việc chủ động	149,493,441	136,586,549	12,906,892	415,162	146	149,078,133	30,088,020	10,702,385	10,500,109	178,969	23,307	19,385,635		118,870,790	-	-	119,323	138,375,748	35,57%
1	Kinh doanh, thương mại	4,769,945	3,449,756	1,320,189	-	-	4,769,945	3,734,568	832,268	719,761	112,507	-	2,902,300		1,035,377	-	-	-	3,937,677	22,29%
2	Phá sản	81,653,207	80,930,143	723,064	-	-	81,653,207	4,708,096	732,893	708,234	24,659	-	3,975,203		76,945,111	-	-	-	80,920,314	15,57%
3	Hôn nhân và gia đình	1,520,667	948,319	572,348	-	-	1,520,667	1,399,871	617,806	617,806	-	-	782,065		120,796	-	-	-	902,861	44,13%
4	Lao động	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	#DIV/0!
5	Dân sự	5,958,082	4,042,246	1,915,836	-	146	5,957,936	4,594,781	1,354,578	1,354,578	-	-	3,240,203		1,243,832	-	-	119,323	4,603,358	29,48%
6	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế	14,581,061	14,579,992	1,069	-	-	14,581,061	3,663,392	174,889	174,889	-	-	3,488,503		10,917,669	-	-	-	14,406,172	4,77%
7	Dân sự trong hình sự	41,010,479	32,636,093	8,374,386	415,162	-	40,595,317	11,987,312	6,989,951	6,924,841	41,803	23,307	4,997,361		28,608,005	-	-	-	33,605,366	58,31%
II	Tổng số việc theo yêu cầu	626,861,862	440,573,981	186,287,881	151,799	-	626,710,063	471,360,912	81,345,103	47,336,735	34,008,368	-	389,889,489	126,320	141,985,344	10,952,771	-	2,411,036	545,364,960	17,26%
1	Kinh doanh, thương mại	314,437,333	201,065,598	113,371,735	-	-	314,437,333	257,769,208	40,389,190	7,934,425	32,454,765	-	217,298,298	81,720	43,506,353	10,952,771	-	2,209,001	274,048,143	15,67%
2	Phá sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	#DIV/0!
3	Hôn nhân và gia đình	14,165,070	7,745,836	6,419,234	86,000	-	14,079,070	12,614,251	3,479,703	3,365,953	113,750	-	9,134,548	-	1,384,819	-	-	80,000	10,599,367	27,59%
4	Lao động	342,187	342,187	-	-	-	342,187	45,000	-	-	-	-	45,000	-	297,187	-	-	-	342,187	0,00%
5	Dân sự	246,918,928	181,329,056	65,589,872	-	-	246,918,928	195,104,508	36,692,420	35,647,567	1,044,853	-	158,367,488	44,600	51,692,385	-	-	122,035	210,226,508	18,81%
6	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế	3,106,079	2,819,289	286,790	65,799	-	3,040,280	1,483,946	451,200	56,200	395,000	-	1,032,746	-	1,556,334	-	-	-	2,589,080	30,41%
7	Dân sự trong hình sự	47,892,265	47,272,015	620,250	-	-	47,892,265	4,343,999	332,590	332,590	-	-	4,011,409	-	43,548,266	-	-	-	47,559,675	7,66%
B	Ủy thác xử lý tài sản																			
1	Đơn vị ủy thác đi					-				-										
2	Đơn vị nhận ủy thác					-				-										

Sơn La, ngày 31 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI LẬP BIỂU

Đào Thị Mai Phương

Sơn La, ngày 31 tháng 12 năm 2025

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ



Nguyễn Văn Duyệt

PHÂN TÍCH MỘT SỐ CHỈ TIÊU TIỀN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Chỉ tiêu		Chủ động	Theo yêu cầu
		1	2
1	Số đình chỉ THA	178,969	34,008,368
1.1	Điểm a khoản 1 Điều 50	39,472	17,000
1.2	Điểm b khoản 1 Điều 50	-	-
1.3	Điểm c khoản 1 Điều 50	-	32,639,104
1.4	Điểm d khoản 1 Điều 50	112,507	1,352,264
1.5	Điểm đ khoản 1 Điều 50	-	-
1.6	Điểm e khoản 1 Điều 50	26,990	-
1.7	Điểm g khoản 1 Điều 50	-	-
1.8	Điểm h khoản 1 Điều 50	-	-
2	Số hoãn THA	-	11,079,091
2.1	Điểm a khoản 1 Điều 48	-	-
2.2	Điểm b khoản 1 Điều 48	-	-
2.3	Điểm c khoản 1 Điều 48	-	126,320
2.4	Điểm d khoản 1 Điều 48	-	-
2.5	Điểm đ khoản 1 Điều 48	-	10,952,771
2.6	Điểm e khoản 1 Điều 48	-	-
2.7	Điểm g khoản 1 Điều 48	-	-
2.8	Điểm h khoản 1 Điều 48	-	-
2.9	Khoản 2 Điều 48	-	-
2.9.1	Hoãn theo yêu cầu của Viện kiểm sát nhân dân	-	-
2.9.2	Hoãn theo yêu cầu của Tòa án nhân dân	-	-
3	Số tạm đình chỉ THA	-	-
3.1	Khoản 1 Điều 49	-	-
3.1.1	Viện kiểm sát nhân dân kháng nghị tạm đình chỉ	-	-
3.1.2	Tòa án nhân dân kháng nghị tạm đình chỉ	-	-
4.2	Khoản 2 Điều 49	-	-
4	Số chưa có điều kiện THA theo Điều 44a	118,870,790	141,985,344
4.1	Điểm a khoản 1 Điều 44a	40,666,433	106,150,532
4.2	Điểm b khoản 1 Điều 44a	-	2,048,945
4.3	Điểm c khoản 1 Điều 44a	188,619	84,100
4.4	Trường hợp chưa có điều kiện khác	78,015,738	33,701,767
5	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế	14,581,061	3,106,079
5.1	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế do BCĐTU về phòng, chống tham nhũng theo dõi, chỉ đạo	-	4,000
5.2	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế do BCĐ tỉnh, thành phố theo dõi, chỉ đạo	3,179,800	-
5.3	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế khác	11,401,261	3,102,079
6	Trường hợp khác	119,323	2,411,036
6.1	Tạm dừng để giải quyết khiếu nại, tố cáo	-	-
6.2	Trong thời hạn tự nguyện THA	-	-
6.3	Trở ngại khách quan	119,323	2,411,036
7	Số chưa có điều kiện THA đã chuyển số theo dõi riêng	53,814,711	51,600,573

Biểu số: 03/TK-THADS
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP
ngày 10 tháng 6 năm 2024
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THI HÀNH CÁC KHOẢN THU CHO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
03 tháng/năm 2026

Đơn vị, người báo cáo: THI HÀNH ÁN DÂN
SỰ TỈNH SON LA
Đơn vị nhận báo cáo: CỤC QUẢN LÝ THI
HÀNH ÁN DÂN SỰ

Đơn vị tính: Việc và %, 1.000 VND

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng số giải quyết	Chia ra:		Ủy thác THA	Thu hồi, sửa, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Chia ra:											Số chuyển kỳ sau (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển số theo dõi riêng)	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện
			Năm trước chuyển sang (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển số theo dõi riêng)	Thụ lý mới				Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:					Hoãn THA theo điểm c khoản 1 Điều 48	Chưa có điều kiện THA (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Hoãn THA (trừ số hoãn theo điểm c khoản 1 Điều 48)	Tạm đình chỉ THA	Trường hợp khác		
									Tổng số thi hành xong	Chia ra:			Đang thi hành							
										Thi hành xong	Đình chỉ THA	Giảm nghĩa vụ THA								
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
I	Tổng số việc	1,346	549	797	6	-	1,340	1,065	689	688	1		376		275	-	-	-	651	64.69
II	Tổng số tiền	61,239,046	55,988,549	5,250,497	415,162	146	60,823,738	19,110,041	3,174,026	2,996,409	154,310	23,307	15,936,015		41,594,374	-	-	119,323	57,649,712	16.61
1	Ấn phí, lệ phí	13,314,182	10,828,491	2,485,691	99,462	146	13,214,574	9,074,943	1,445,721	1,333,214	112,507	-	7,629,222		4,020,308	-	-	119,323	11,768,853	15.93
2	Phạt	5,010,606	4,363,206	647,400	-	-	5,010,606	3,270,991	690,206	668,870	19,290	2,046	2,580,785		1,739,615	-	-	-	4,320,400	21.10
3	Tịch thu, Truy thu	39,532,497	37,544,329	1,988,168	315,700	-	39,216,797	6,546,670	899,612	855,838	22,513	21,261	5,647,058		32,670,127	-	-	-	38,317,185	13.74
4	Thu khác	3,381,761	3,252,523	129,238	-	-	3,381,761	217,437	138,487	138,487	-	-	78,950		3,164,324	-	-	-	3,243,274	63.69

Sơn La, ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU

Phuong

Đào Thị Mai Phương

Sơn La, ngày 31 tháng 12 năm 2025

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

*Duyet*
Nguyễn Văn Duyệt

Biểu số: 04/TK-THADS
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP
ngày 10 tháng 6 năm 2024
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG VIỆC CHIA THEO
CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VÀ CHẤP HÀNH VIÊN
03 tháng/năm 2026

Đơn vị, người báo cáo: THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH SƠN LA
Đơn vị nhận báo cáo: CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH
ÁN DÂN SỰ

Đơn vị tính: Việc và %

STT	Tên chi tiêu	Tổng số giải quyết	Chia ra:		Ủy thác THA	Thu hồi, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Chia ra:											Số chuyển kỳ sau (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển số theo dõi riêng)	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện
			Năm trước chuyển sang (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển số theo dõi riêng)	Thụ lý mới				Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:				Chưa có điều kiện THA (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Hoãn THA (trừ số hoãn theo điểm c khoản 1 Điều 48)	Tạm đình chỉ THA	Trường hợp khác				
									Tổng số thi hành xong	Chia ra:		Đang thi hành					Hoãn THA theo điểm c khoản 1 điều 48			
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
	Tổng số	2,675	1,433	1,242	10	-	2,665	2,073	973	954	19	1,098	2	586	2	-	4	1,692	46.94%	
I	THADS tỉnh	168	47	121	5	-	163	150	89	89	-	61	-	13	-	-	-	74	59.33%	
1	Nguyễn Văn Duyệt	12	0	12	0	0	12	12	7	7	0	5	0	0	0	0	0	5	58.33%	
2	Lò Anh Vĩnh	11	1	10	1	0	10	9	8	8	0	1	0	1	0	0	0	2	88.89%	
3	Thào Thị Minh Ngọc	48	14	34	4	0	44	43	22	22	0	21	0	1	0	0	0	22	51.16%	
4	Lò Văn Ngoan	36	16	20	0	0	36	29	18	18	0	11	0	7	0	0	0	18	62.07%	
5	Lò Huy Bắc	61	16	45	0	0	61	57	34	34	0	23	0	4	0	0	0	27	59.65%	
6	Đỗ Duy Khánh	-	0	0	0	0	-	-	-	0	0	0	0	0	0	0	0	-	#DIV/0!	
II	Các Phòng THADS KV	2,507	1,386	1,121	5	-	2,502	1,923	884	865	19	1,037	2	573	2	-	4	1,618	45.97%	
1	Phòng THADS KV1	661	418	243	1	-	660	486	193	190	3	292	1	174	-	-	-	467	39.71%	
7	Lê Thị Hải Thương	115	53	62	1	-	114	91	54	53	1	37	-	23	-	-	-	60	59.34%	
8	Đỗ Quang Huy	224	156	68	-	-	224	158	61	59	2	97	-	66	-	-	-	163	38.61%	
9	Tông Mai Phương	195	118	77	-	-	195	157	53	53	-	103	1	38	-	-	-	142	33.76%	
10	Lê Thị Thu Huyền	127	91	36	-	-	127	80	25	25	-	55	-	47	-	-	-	102	31.25%	
2	Phòng THADS KV2	247	122	125	-	-	247	203	103	101	2	100	-	44	-	-	-	144	50.74%	
11	Lò Văn Kính	34	26	8	-	-	34	25	9	7	2	16	-	9	-	-	-	25	36.00%	
12	Thào A Thịnh	67	30	37	-	-	67	51	33	33	-	18	-	16	-	-	-	34	64.71%	
13	Sùng A Mua	87	41	46	-	-	87	79	32	32	-	47	-	8	-	-	-	55	40.51%	
14	Hà Thị Tuyết	59	25	34	-	-	59	48	29	29	-	19	-	11	-	-	-	30	60.42%	
3	Phòng THADS KV3	391	216	175	-	-	391	312	125	122	3	187	-	75	2	-	2	266	40.06%	
15	Lường Văn Nghi	52	27	25	-	-	52	43	21	21	-	22	-	5	2	-	2	31	48.84%	
16	Lò Văn Huệ	87	54	33	-	-	87	61	33	31	2	28	-	26	-	-	-	54	54.10%	

17	Tông Văn Học	127	82	45	-	-	127	105	29	29	-	76	-	22	-	-	-	98	27.62%
18	Lò Toàn Thắng	125	53	72	-	-	125	103	42	41	1	61	-	22	-	-	-	83	40.78%
4	Phòng THADS KV4	600	352	248	-	-	600	427	211	205	6	216	-	171	-	-	2	389	49.41%
19	Ngô Đình Sơn	128	77	51	-	-	128	91	44	44	-	47	-	37	-	-	-	84	48.35%
20	Nguyễn Hữu Việt	104	61	43	-	-	104	77	35	35	-	42	-	27	-	-	-	69	45.45%
21	Đặng Thị Hà	65	31	34	-	-	65	52	32	29	3	20	-	13	-	-	-	33	61.54%
22	Nguyễn Việt Hiền	38	11	27	-	-	38	34	27	25	2	7	-	4	-	-	-	11	79.41%
23	Lữ Văn Tâm	136	88	48	-	-	136	91	42	41	1	49	-	43	-	-	2	94	46.15%
24	Quảng Văn Hải	129	84	45	-	-	129	82	31	31	-	51	-	47	-	-	-	98	37.80%
5	Phòng THADS KV5	233	129	104	2	-	231	167	52	49	3	114	1	64	-	-	-	179	31.14%
25	Nguyễn Tuấn Anh	47	26	21	2	-	45	37	16	15	1	21	-	8	-	-	-	29	43.24%
26	Ngô Quang	99	48	51	-	-	99	69	26	26	-	42	1	30	-	-	-	73	37.68%
27	Mùa A Cang	87	55	32	-	-	87	61	10	8	2	51	-	26	-	-	-	77	16.39%
6	Phòng THADS KV6	375	149	226	2	-	373	328	200	198	2	128	-	45	-	-	-	173	60.98%
28	Vũ Thắng	21	13	8	1	-	20	20	8	8	-	12	-	-	-	-	-	12	40.00%
29	Lê Văn Minh	84	29	55	-	-	84	77	52	52	-	25	-	7	-	-	-	32	67.53%
30	Hoàng Anh Dũng	119	50	69	-	-	119	100	68	66	2	32	-	19	-	-	-	51	68.00%
31	Hoàng Ngọc Bắc	61	34	27	1	-	60	43	21	21	-	22	-	17	-	-	-	39	48.84%
32	Trần Văn Tuấn	90	23	67	-	-	90	88	51	51	-	37	-	2	-	-	-	39	57.95%

Sơn La, ngày 31 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI LẬP BIỂU

Đào Thị Mai Phương

Đào Thị Mai Phương

Sơn La, ngày 31 tháng 12 năm 2025
TRƯỞNG "THI HÀNH ÁN DÂN SỰ"

Nguyễn Văn Duyệt
Nguyễn Văn Duyệt

Biểu số: 05/TK-THADS
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP
ngày 10 tháng 6 năm 2024
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG TIỀN CHIA THEO

Đơn vị, người báo cáo: THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH SƠN LA

CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VÀ CHẤP HÀNH VIÊN

Đơn vị nhận báo cáo: CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

03 tháng/năm 2026

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ và %

STT	Tên chi tiêu	Tổng số giải quyết	Chia ra:		Ủy thác THA	Thu hồi, sửa, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Chia ra:										Chia ra:		Sổ chuyển kỳ sau (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển số theo dõi riêng)	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện
			Năm trước chuyển sang (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển số theo dõi riêng)	Thụ lý mới				Tổng số có điều kiện thi hành	Tổng số thi hành xong	Chia ra:			Đang thi hành	Hoãn THA theo điểm c khoản 1 Điều 48	Chưa có điều kiện THA (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Hoãn THA (trừ số hoãn theo điểm c khoản 1 Điều 48)	Tạm đình chỉ THA	Trường hợp khác			
										Thi hành xong	Đình chỉ THA	Giảm nghĩa vụ THA									
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
	Tổng số	776,355,303	577,160,530	199,194,773	566,961	146	775,788,196	501,448,932	92,047,488	57,836,844	34,187,337	23,307	409,275,124	126,320	260,856,134	10,952,771	-	2,530,359	683,740,708	18.36%	
1	Phòng Nghiệp vụ và tổ chức THADS	29,450,815	26,074,505	3,376,310	412,895	-	29,037,920	7,362,350	1,979,195	1,979,195	-	-	5,383,155	-	21,675,570	-	-	-	27,058,725	26.88%	
1	Nguyễn Văn Duyệt	29,535	0	29,535	0	0	29,535	29,535	29,535	29,535	0	0	0	0	0	0	0	0	-	100.00%	
2	Lô Anh Vinh	189,990	112,768	77,222	51,500	0	138,490	25,722	25,722	25,722	0	0	0	0	112,768	0	0	0	112,768	100.00%	
3	Thào Thị Minh Ngọc	2,211,438	1,284,065	927,373	361,395	0	1,850,043	1,810,188	352,312	352,312	0	0	1,457,876	0	39,855	0	0	0	1,497,731	19.46%	
4	Lô Văn Ngoan	23,603,376	22,231,312	1,372,064	0	0	23,603,376	3,653,843	1,246,432	1,246,432	0	0	2,407,411	0	19,949,533	0	0	0	22,356,944	34.11%	
5	Lô Huy Bắc	3,416,476	2,446,360	970,116	0	0	3,416,476	1,843,062	325,194	325,194	0	0	1,517,868	0	1,573,414	0	0	0	3,091,282	17.64%	
6	Đỗ Duy Khánh	-	0	0	0	0	-	-	-	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	#DIV/0!	
II	Các Phòng THADS KV	746,904,488	551,086,025	195,818,463	154,066	146	746,750,276	494,086,582	90,068,293	55,857,649	34,187,337	23,307	403,891,969	126,320	239,180,564	10,952,771	-	2,530,359	656,681,983	18.23%	
1	Phòng THADS KV1	269,228,439	179,621,483	89,606,956	2,267	-	269,226,172	177,616,189	69,092,829	37,350,250	31,742,579	-	108,478,760	44,600	91,609,983	-	-	-	200,133,343	38.90%	
7	Lê Thị Hải Thương	67,207,733	36,664,189	30,543,544	2,267	-	67,205,466	50,576,308	31,919,929	31,520,029	399,900	-	18,656,379	-	16,629,158	-	-	-	35,285,537	63.11%	
8	Đỗ Quang Huy	88,463,000	55,541,798	32,921,202	-	-	88,463,000	68,356,287	31,592,173	881,799	30,710,374	-	36,764,114	-	20,106,713	-	-	-	56,870,827	46.22%	
9	Tông Mai Phương	76,550,411	74,380,228	2,170,183	-	-	76,550,411	28,355,928	5,038,939	4,497,117	541,822	-	23,272,389	44,600	48,194,483	-	-	-	71,511,472	17.77%	
10	Lê Thị Thu Huyền	37,007,295	13,035,268	23,972,027	-	-	37,007,295	30,327,666	541,788	451,305	90,483	-	29,785,878	-	6,679,629	-	-	-	36,465,507	1.79%	
2	Phòng THADS KV2	94,669,197	36,974,730	57,694,467	-	-	94,669,197	67,327,600	4,289,247	2,789,272	1,495,833	4,142	63,038,353	-	27,341,597	-	-	-	90,379,950	6.37%	
11	Lô Văn Kính	3,880,244	3,823,644	56,600	-	-	3,880,244	2,579,607	1,501,103	32,190	1,464,771	4,142	1,078,504	-	1,300,637	-	-	-	2,379,141	58.19%	
12	Thào A Thịnh	65,638,022	9,969,148	55,668,874	-	-	65,638,022	58,083,060	157,070	126,008	31,062	-	57,925,990	-	7,554,962	-	-	-	65,480,952	0.27%	
13	Sùng A Mua	18,621,590	17,744,548	877,042	-	-	18,621,590	5,133,673	2,471,383	2,471,383	-	-	2,662,290	-	13,487,917	-	-	-	16,150,207	48.14%	
14	Hà Thị Tuyết	6,529,341	5,437,390	1,091,951	-	-	6,529,341	1,531,260	159,691	159,691	-	-	1,371,569	-	4,998,081	-	-	-	6,369,650	10.43%	
3	Phòng THADS KV3	157,986,259	123,666,168	34,320,091	-	-	157,986,259	97,289,005	7,648,338	7,569,576	65,513	13,249	89,640,667	-	47,416,159	10,952,771	-	2,328,324	150,337,921	7.86%	
15	Lường Văn Nghi	33,526,309	28,918,656	4,607,653	-	-	33,526,309	15,088,031	167,198	167,198	-	-	14,920,833	-	5,157,183	10,952,771	-	2,328,324	33,359,111	1.11%	
16	Lô Văn Huệ	28,027,361	20,629,814	7,397,547	-	-	28,027,361	20,695,731	2,897,013	2,863,013	34,000	-	17,798,718	-	7,331,630	-	-	-	25,130,348	14.00%	
17	Tông Văn Học	54,852,354	39,470,142	15,382,212	-	-	54,852,354	44,402,913	3,772,829	3,772,829	-	-	40,630,084	-	10,449,441	-	-	-	51,079,525	8.50%	

18	Lô Toàn Thắng	41,580,235	34,647,556	6,932,679	-	-	41,580,235	17,102,330	811,298	766,536	31,513	13,249	16,291,032	-	24,477,905	-	-	-	40,768,937	4.74%
4	Phòng THADS KV4	161,190,606	155,299,057	5,891,549	-	146	161,190,460	114,390,332	2,684,769	2,047,183	637,586	-	111,705,563	-	46,598,093	-	-	202,035	158,505,691	2.35%
19	Ngô Đình Sơn	29,804,475	28,752,171	1,052,304	-	-	29,804,475	11,676,929	246,090	219,590	26,500	-	11,430,839	-	18,127,546	-	-	-	29,558,385	2.11%
20	Nguyễn Hữu Việt	77,447,404	76,385,089	1,062,315	-	-	77,447,404	71,535,508	149,580	149,580	-	-	71,385,928	-	5,911,896	-	-	-	77,297,824	0.21%
21	Đặng Thị Hà	10,075,086	8,957,220	1,117,866	-	-	10,075,086	2,004,761	1,117,266	1,015,426	101,840	-	887,495	-	8,070,325	-	-	-	8,957,820	55.73%
22	Nguyễn Viết Hiền	613,153	479,972	133,181	-	-	613,153	414,143	134,181	110,181	24,000	-	279,962	-	199,010	-	-	-	478,972	32.40%
23	Lữ Văn Tâm	28,007,675	27,052,449	955,226	-	146	28,007,529	17,937,310	849,656	364,410	485,246	-	17,087,654	-	9,868,184	-	-	202,035	27,157,873	4.74%
24	Quảng Văn Hải	15,242,813	13,672,156	1,570,657	-	-	15,242,813	10,821,681	187,996	187,996	-	-	10,633,685	-	4,421,132	-	-	-	15,054,817	1.74%
5	Phòng THADS KV5	17,687,657	16,155,215	1,532,442	17,000	-	17,670,657	8,925,180	835,575	710,313	125,262	-	8,007,885	81,720	8,745,477	-	-	-	16,835,082	9.36%
25	CHV Nguyễn Tuấn Anh	5,399,222	4,983,572	415,650	17,000	-	5,382,222	3,600,118	386,666	359,904	26,762	-	3,213,452	-	1,782,104	-	-	-	4,995,556	10.74%
26	CHV Ngô Quang	5,162,631	4,637,021	525,610	-	-	5,162,631	1,856,219	281,526	207,026	74,500	-	1,492,973	81,720	3,306,412	-	-	-	4,881,105	15.17%
27	CHV Mùa A Cang	7,125,804	6,534,622	591,182	-	-	7,125,804	3,468,843	167,383	143,383	24,000	-	3,301,460	-	3,656,961	-	-	-	6,958,421	4.83%
6	Phòng THADS KV6	46,142,330	39,369,372	6,772,958	134,799	-	46,007,531	28,538,276	5,517,535	5,391,055	120,564	5,916	23,020,741	-	17,469,255	-	-	-	40,489,996	19.33%
28	Vũ Thắng	776,263	702,563	73,700	69,000	-	707,263	707,263	20,044	20,044	-	-	687,219	-	-	-	-	-	687,219	2.83%
29	Lê Văn Minh	23,610,683	22,837,172	773,511	-	-	23,610,683	11,078,011	1,017,715	983,194	34,521	-	10,060,296	-	12,532,672	-	-	-	22,592,968	9.19%
30	Hoàng Anh Dũng	11,177,489	9,332,618	1,844,871	-	-	11,177,489	8,669,273	1,764,668	1,712,973	51,695	-	6,904,605	-	2,508,216	-	-	-	9,412,821	20.36%
31	Hoàng Ngọc Bắc	3,887,877	3,114,157	773,720	65,799	-	3,822,078	1,559,968	205,094	174,258	24,920	5,916	1,354,874	-	2,262,110	-	-	-	3,616,984	13.15%
32	Trần Văn Tuấn	6,690,018	3,382,862	3,307,156	-	-	6,690,018	6,523,761	2,510,014	2,500,586	9,428	-	4,013,747	-	166,257	-	-	-	4,180,004	38.47%

Sơn La, ngày 31 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI LẬP BIỂU

Phương

Đào Thị Mai Phương

Sơn La, ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI THỰC HÀNH AN DÂN SỰ

*Duyệt*
Nguyễn Văn Duyệt

Biểu số: 06/TK-THADS
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP
ngày 10 tháng 6 năm 2024
Ngày nhận báo cáo:

**KẾT QUẢ ĐỀ NGHỊ XÉT MIỄN VÀ GIẢM NGHĨA VỤ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
03 tháng/năm 2026**

Đơn vị, người báo cáo: THI HÀNH ÁN DÂN
SỰ TỈNH SON LA
Đơn vị nhận báo cáo: CỤC QUẢN LÝ THI
HÀNH ÁN DÂN SỰ

Đơn vị tính: Việc và 1.000 đồng

STT	Tên chỉ tiêu	Số đề nghị xét miễn		Số đã xét miễn		Số đề nghị giảm		Số đã xét giảm	
		Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền
A		1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng số	-	26,990	-	26,990	-	23,307	-	23,307
1	THADS tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Phòng THADS KV1	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Phòng THADS KV2	-	-	-	-	-	4,142	-	4,142
4	Phòng THADS KV3	-	7,700	-	7,700	-	13,249	-	13,249
5	Phòng THADS KV4	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Phòng THADS KV5	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Phòng THADS KV6	-	19,290	-	19,290	-	5,916	-	5,916

Son La, ngày 31 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI LẬP BIỂU

Phuong

Đào Thị Mai Phương

Son La, ngày 31 tháng 12 năm 2025
TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ



Nguyễn Văn Duyệt

Biểu số: 07/TK-THADS
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP
ngày 10 tháng 6 năm 2024
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM,
CƯỜNG CHẾ TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
03 tháng/năm 2026

Đơn vị, người báo cáo: THI HÀNH ÁN DÂN
SỰ TỈNH SƠN LA
Đơn vị nhận báo cáo: CỤC QUẢN LÝ THI
HÀNH ÁN DÂN SỰ

Đơn vị tính: Việc

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng số việc thi hành án đã ra quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm	Tổng số việc thi hành án có ra quyết định cưỡng chế	Chia ra:		Kết quả thi hành việc đã áp dụng biện pháp cưỡng chế	Chia ra:	
				Cưỡng chế không huy động lực lượng	Cưỡng chế có huy động lực lượng		Đã thi hành xong	Chưa thi hành xong
A		1	2	3	4	5	6	7
	Tổng số	13	160	150	10	160	20	140
1	THADS tỉnh	-	2	2	-	2	-	2
2	Phòng THADS KV1	-	60	57	3	60	3	57
3	Phòng THADS KV2	2	5	5	-	5	-	5
4	Phòng THADS KV3	-	8	7	1	8	-	8
5	Phòng THADS KV4	6	47	44	3	47	10	37
6	Phòng THADS KV5	-	10	10	-	10	1	9
7	Phòng THADS KV6	5	28	25	3	28	6	22

Ghi chú: Số năm trước chuyển sang 152 (144 trường hợp cưỡng chế không huy động lực lượng, 08 trường hợp cưỡng chế có huy động lực lượng), số phát sinh 11 (10 trường hợp cưỡng chế không huy động lực lượng, 01 trường hợp cưỡng chế có huy động lực lượng), số thi hành xong 12 (có huy động?; không huy động); số đã cưỡng chế chưa thi hành xong hồ sơ, lý do (có huy động?; không huy động); số đã có quyết định nhưng chưa tổ chức cưỡng chế (có huy động?; không huy động), lý do.

Sơn La, ngày 31 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI LẬP BIỂU

Thương

Đào Thị Mai Phương

Sơn La, ngày 31 tháng 12 năm 2025
TRƯỞNG TÀI HÀNH ÁN DÂN SỰ



Duyệt

Nguyễn Văn Duyệt

Biểu số: 08/TK-THADS
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP
ngày 10 tháng 6 năm 2024
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO,
KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
03 tháng/năm 2026

Đơn vị, người báo cáo: THI HÀNH ÁN DÂN
SỰ TỈNH SON LA
Đơn vị nhận báo cáo: CỤC QUẢN LÝ THI
HÀNH ÁN DÂN SỰ

Đơn vị tính: Việc và đơn

STT	Tên đơn vị	Xử lý đơn tiếp nhận (Đơn)						Số việc thụ lý (Việc)								Kết quả giải quyết số việc thuộc thẩm quyền (Việc)					
		Tổng số	Lưu đơn	Chuyển đơn	Hướng dẫn, trả lời đơn	Đã thụ lý	Đang xử lý	Chia theo thời điểm tiếp nhận		Chia theo nội dung						Thu hồi thông báo thụ lý	Đình chỉ giải quyết khiếu nại	Đúng toàn bộ	Đúng một phần	Sai toàn bộ	Chưa giải quyết chuyển kỳ sau
								Số năm trước chuyển sang	Số mới nhận	Quyết định về THA		Áp dụng biện pháp cưỡng chế		Áp dụng biện pháp bảo đảm	Nội dung khác						
										Quyết định THA	Quyết định khác về THA	Biện pháp kê biên, xử lý tài sản	Biện pháp khác								
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I	Tổng số (Khiếu nại)	9	6	-	-	2	1	-	2	-	-	-	2	-	-	-	-	-	1	1	-
II	Tổng số (Tổ cáo)	5	4	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
III	Tổng số (Kiến nghị, phản ánh)	19	4	-	13	-	2														
1	THADS tỉnh																				
1.1	Khiếu nại	9	6	-	-	2	1	-	2	-	-	-	2	-	-	-	-	-	1	1	-
1.2	Tổ cáo	5	4	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.3	Kiến nghị, phản ánh	19	4	-	13	-	2														

Sơn La, ngày 31 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI LẬP BIỂU

Đào Thị Mai Phương

Đào Thị Mai Phương

Sơn La, ngày 31 tháng 12 năm 2025
TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ



Nguyễn Văn Duyệt

Nguyễn Văn Duyệt

Biểu số: 09/TK-THADS
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP
ngày 10 tháng 6 năm 2024
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ TIẾP CÔNG DÂN TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
03 tháng/năm 2026

Đơn vị, người báo cáo: THI HÀNH ÁN
DÂN SỰ TỈNH SƠN LA
Đơn vị nhận báo cáo: CỤC QUẢN LÝ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Đơn vị tính: Đơn, Đoàn, Người và Lượt

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng			Đoàn đông người			Lãnh đạo cơ quan tiếp			Số đơn tiếp nhận							Kết quả giải quyết số đơn thuộc thẩm quyền		
											Chia theo nội dung				Chia theo thẩm quyền					
		Số lượt	Số người	Số vụ việc	Số đoàn	Số người	Số vụ việc	Số lượt	Số người	Số vụ việc	Tổng số	Chia ra:			Tổng số	Chia ra:				
												Khiếu nại	Tố cáo	Kiến nghị, phản ánh		Thuộc thẩm quyền của cơ quan THA	Thuộc thẩm quyền của cơ quan khác	Tổng số	Số đã giải quyết	Số chưa giải quyết chuyển kỳ sau
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	Tổng số	10	8	7	-	-	-	2	2	2	7	3	2	2	7	7	-	7	7	-
1	THADS tỉnh	10	8	7	0	0	0	2	2	2	7	3	2	2	7	7	0	7	7	0

Sơn La, ngày 31 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI LẬP BIỂU

Đào Thị Mai Phương

Đào Thị Mai Phương

Sơn La, ngày 31 tháng 12 năm 2025
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
Nguyễn Văn Duyệt
Nguyễn Văn Duyệt

Biểu số: 10/TK-THADS
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP
ngày 10 tháng 6 năm 2024
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ GIÁM SÁT, KIỂM SÁT, KIỂM TRA THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
03 tháng/năm 2026

Đơn vị, người báo cáo: THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH SƠN LA
Đơn vị nhận báo cáo: CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Số TT	Tên chỉ tiêu	Kết quả thực hiện báo cáo Giám sát của cơ quan có thẩm quyền (cuộc)								Kết quả thực hiện kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân (cuộc)						Kết quả thực hiện kiến nghị của Viện Kiểm sát nhân dân (bản kiến nghị)						Kết quả kiểm tra (cuộc)				
		Tổng số cuộc giám sát	Chia ra:							Tổng số kháng nghị đã nhận	Chia ra:					Tổng số kiến nghị đã nhận	Chia ra:									
			Cơ quan giám sát				Kết quả thực hiện kết luận giám sát				Kháng nghị của cuộc kiểm sát trực tiếp			Kháng nghị khác			Kiến nghị của cuộc kiểm sát trực tiếp			Kiến nghị khác						
			Quốc hội	Hội đồng nhân dân	Mặt trận Tổ quốc	Khác	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Giải trình		Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Giải trình	Đã thực hiện	Chưa thực hiện		Giải trình	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Giải trình	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Giải trình			
																								Tự kiểm tra và kiểm tra nội bộ	Kiểm tra của cấp trên đối với cấp dưới	
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	
	Tổng số	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5	-	-	-	5	-	-	-	2	-
1	THADS tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-
2	Phòng THADS KV1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Phòng THADS KV2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Phòng THADS KV3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	1	-	-	-	-	-
5	Phòng THADS KV4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	3	-	-	-	-	-
6	Phòng THADS KV5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	1	-	-	-	1	-
7	Phòng THADS KV6	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Sơn La, ngày 31 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI LẬP BIỂU



Đào Thị Mai Phương

Sơn La, ngày 31 tháng 12 năm 2025
THỦ LƯU CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ


Nguyễn Văn Duyệt

Biểu số: 11/TK-THADS
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP
ngày 10 tháng 6 năm 2024
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
03 tháng/năm 2026

Đơn vị, người báo cáo: THI HÀNH
ÁN DÂN SỰ TỈNH SƠN LA
Đơn vị nhận báo cáo: CỤC QUẢN LÝ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Đơn vị tính: Việc

STT	Tên chỉ tiêu	Tình hình thụ lý			Tình hình giải quyết yêu cầu bồi thường										Kết quả thi hành bản án, QĐ GQBT						Kết quả thực hiện trách nhiệm hoàn trả	
		Tổng số	Chia ra:		Tại Cơ quan THADS			Tại Tòa án							Thi hành xong		Chưa thi hành xong		Đã thực hiện xong trách nhiệm hoàn trả	Chưa thực hiện xong trách nhiệm hoàn trả		
			Năm trước chuyển sang	Thụ lý mới	Tổng số	Chia ra:		Tổng số	Chia ra:				Chưa có bản án	Tổng số	Chia ra:		Tổng số	Chia ra:				
						Đã ban hành quyết định giải quyết bồi thường có hiệu lực	Chưa ban hành quyết định giải quyết bồi thường		Người yêu cầu bồi thường theo khoản 2 Điều 52 Luật TNBTCNN	Khởi kiện theo khoản 1 Điều 52 Luật TNBTCNN	Khởi kiện theo khoản 2 Điều 52 Luật TNBTCNN	Trong đó:			Đã được cấp kinh phí và chi trả xong	Các trường hợp khác		Chưa ban hành bản án hoặc quyết định giải quyết bồi thường			Đã có bản án hoặc quyết định giải quyết bồi thường có hiệu lực nhưng chưa được cấp kinh phí	
												Chấp nhận yêu cầu khởi kiện										Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	Tổng số việc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	THADS tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Phòng THADS KV1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Phòng THADS KV2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Phòng THADS KV3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Phòng THADS KV4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Phòng THADS KV5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Phòng THADS KV6	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Sơn La, ngày 31 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI LẬP BIỂU

Đào Thị Mai Phương

Đào Thị Mai Phương

Sơn La, ngày 31 tháng 12 năm 2025
TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
Nguyễn Văn Duyệt
Nguyễn Văn Duyệt



Biểu số: 12/TK-THAHC
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP
ngày 10 tháng 6 năm 2024
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THEO DÕI THI HÀNH ÁN HÀNH CHÍNH
03 tháng/năm 2026

Đơn vị báo cáo:

Đơn vị nhận báo cáo:

Đơn vị tính: Việc

STT	Tên chỉ tiêu	Số bản án, quyết định về vụ án hành chính cơ quan THADS đã nhận chuyển giao từ Tòa án	Tổng số bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính phải theo dõi	Chia ra:							Kết quả theo dõi thi hành bản án, quyết định THAHC, trong đó:								Số bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính đã thi hành xong
				Số bản án, quyết định tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện						Số bản án, quyết định khác của Tòa án về vụ án hành chính	Số việc đã ban hành văn bản thông báo tự nguyện THA	Số việc cơ quan THADS đã làm việc với người phải THA	Tổng số quyết định buộc THAHC đã đăng tải công khai	Số vụ việc cơ quan THADS có văn bản kiến nghị xử lý trách nhiệm người không					
				Đã có quyết định buộc THA			Chưa có quyết định buộc THA							Chia ra:					
				Tổng số	Chia ra:		Tổng số	Chia ra:						Tổng số	Đã nhận được kết quả xử lý trách nhiệm		Chưa nhận được kết quả xử lý trách nhiệm		
					Năm trước chuyển sang	Thụ lý mới		Năm trước chuyển sang	Thụ lý mới						Số trường hợp bị xử lý	Số trường hợp không bị xử lý			
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
	Tổng số	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	THADS tỉnh	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2	Phòng THADS KV1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
3	Phòng THADS KV2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
4	Phòng THADS KV3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
5	Phòng THADS KV4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
6	Phòng THADS KV5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
7	Phòng THADS KV6	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	

Sơn La, ngày 31 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI LẬP BIỂU

Đào Thị Mai Phương

Đào Thị Mai Phương

Sơn La, ngày 31 tháng 12 năm 2025
TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ


Nguyễn Văn Duyệt

Nguyễn Văn Duyệt

PHỤ LỤC THEO DÕI SỐ VIỆC CHƯA CÓ ĐIỀU KIỆN THI HÀNH ÁN ĐÃ CHUYỂN SỔ THEO DÕI RIÊNG

03 tháng/năm 2026

Đơn vị tính: việc

TT	Tiêu chí	Tổng số việc chủ động	Chia ra							Tổng số việc theo yêu cầu	Chia ra						
			Kinh doanh, thương mại	Phá sản	Hôn nhân và gia đình	Lao động	Dân sự	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế	Dân sự trong hình sự		Kinh doanh, thương mại	Phá sản	Hôn nhân và gia đình	Lao động	Dân sự	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế	Dân sự trong hình sự
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Tổng số	389	5	1	8	-	60	4	311	346	5	-	46	5	119	4	167
1	THADS tỉnh	10	-	-	-	-	-	1	9	3	-	-	-	-	-	1	2
2	Phòng THADS KV1	99	4	-	1	-	23	2	69	89	3	-	8	5	38	1	34
3	Phòng THADS KV2	65	-	-	2	-	10	-	53	54	-	-	14	-	11	1	28
4	Phòng THADS KV3	48	-	-	1	-	4	-	43	27	-	-	2	-	17	-	8
5	Phòng THADS KV4	42	1	-	2	-	10	-	29	64	1	-	9	-	36	-	18
6	Phòng THADS KV5	29	-	-	-	-	5	-	24	36	-	-	6	-	4	-	26
7	Phòng THADS KV6	96	-	1	2	-	8	1	84	73	1	-	7	-	13	1	51

PHỤ LỤC THEO DÕI SỐ TIỀN CHƯA CÓ ĐIỀU KIỆN THI HÀNH ÁN ĐÃ CHUYỂN SỔ THEO DÕI RIÊNG

03 tháng/năm 2026

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Tiêu chí	Tổng số tiền chủ động	Chia ra							Tổng số tiền theo yêu cầu	Chia ra						
			Kinh doanh, thương mại	Phá sản	Hôn nhân và gia đình	Lao động	Dân sự	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế	Dân sự trong hình sự		Kinh doanh, thương mại	Phá sản	Hôn nhân và gia đình	Lao động	Dân sự	Dân sự trong hình sự về tham nhũng, kinh tế	Dân sự trong hình sự
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Tổng số	53,814,711	202,056	42,000	58,534	-	939,559	3,431,970	49,140,592	51,600,573	5,364,481	-	2,241,797	646,918	23,508,839	643,606	19,194,932
1	THADS tỉnh	11,674,585	-	-	-	-	-	36,939	11,637,646	2,874,992	-	-	-	-	-	213,806	2,661,186
2	Phòng THADS KV1	3,525,459	162,097	-	25,120	-	351,181	1,300,367	1,686,694	21,358,883	3,793,515	-	1,568,900	646,918	9,069,131	198,443	6,081,976
3	Phòng THADS KV2	1,471,293	-	-	17,769	-	97,339	-	1,356,185	4,737,900	-	-	279,500	-	2,865,785	120,000	1,472,615
4	Phòng THADS KV3	1,611,800	-	-	2,160	-	38,652	-	1,570,988	1,857,557	-	-	39,500	-	1,419,641	-	398,416
5	Phòng THADS KV4	1,433,528	39,959	-	5,982	-	70,848	-	1,316,739	6,383,036	1,262,710	-	166,347	-	3,862,619	-	1,091,360
6	Phòng THADS KV5	912,239	-	-	-	-	152,062	-	760,177	5,325,451	-	-	60,050	-	602,139	-	4,663,262
7	Phòng THADS KV6	33,185,807	-	42,000	7,503	-	229,477	2,094,664	30,812,163	9,062,754	308,256	-	127,500	-	5,689,524	111,357	2,826,117